

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset
Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B,
Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.
Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458
Email : jojo@pham-asset.com
Mã số doanh nghiệp : 0302771009
Số Giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161412002, ngày cấp: 25/01/2021, nơi cấp: Intertek Certification Limited.



II. Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **ĐẬU PHỘNG DA CÁ VỊ NƯỚC CỐT DỪA**
2. Thành phần : Đậu phộng 50%, bột nếp, bột bắp, dầu cọ, đường, gia vị nước cốt dừa 1%, muối i-ốt.
Sản phẩm có chứa nguyên liệu từ đậu phộng, lúa mì, sữa.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm :
 - 06 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng gói.
 - 09 tháng kể từ ngày sản xuất đối với sản phẩm dạng lon
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :
 - Đậu phộng được đóng gói trong màng OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP.

Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 14g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 32g, 35g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 115g, 120g, 150g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.

 - Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-028) 37653284–37653285–37653286 Fax: (84-028) 37653258-54283458

III. Mẫu nhãn sản phẩm : đính kèm nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

- Quyết Định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 Quy Định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc, lúa mì và gia vị
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (áp dụng cho snack và sản phẩm chế biến từ ngô)
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Nghị định chính phủ 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Dũng

COCONUT MILK FLAVOUR

Thành phần:

Đậu phộng 50%, bột nếp, bột bắp, dầu cọ, đường, bột mì, gia vị nước cốt dừa 1%, muối i-ốt.

Hướng dẫn sử dụng:

Thường thức ngay sau khi mở gói, tiếp xúc lâu với không khí sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nơi ẩm ướt.

Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn.

Sản xuất tại:
CÔNG TY LIÊN DOANH PHAM - ASSET
PHAM - ASSET JOINT VENTURE COMPANY
Lô D4/1, Đường 18, KCN Vĩnh Lộc,
Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (028) 37 653 286 - 37 653 285 - 37 653 284
Fax: (84-28) 54 283 458 - 37 653 258
Email: jojo@pham-asset.com
Website: www.pham-asset.com

JOJO®

ĐẬU PHỘNG DẠ CẢ

VỊ NƯỚC CỐT DỪA
COCONUT MILK FLAVOUR



VỊ NƯỚC CỐT DỪA

Ingredients:

Peanuts 50%, Glutinous rice flour, Corn starch, Palm oil, Sugar, Wheat flour, Coconut milk flavour 1%, salt

Instruction for usage:

Consume soon after opening pack, long exposing to atmosphere will impact to the product's quality.

Instruction for storage:

Store in cool dry place.
Avoid direct sunlight and humidity.

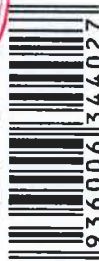
Caution:

Don't consume after the expiration.

NSX/MFG date:

HSD/EXP date:

Khối lượng tịnh/NW:



KT3-11032ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/01/2021

Page 01/04

1. Tên mẫu : ĐẬU PHỘNG DA CÁ VỊ NƯỚC CỐT DỪA
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 26/12/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 28/12/2020 - 05/01/2021
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET
Customer
Lô D4/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-03/04
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.**Nguyễn Thành Công****TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

KT3-11032ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Năng lượng / <i>Calories</i> • kcal / 100 g • kJ / 100 g	QTTN/KT3 024 : 2018	-	562 2351
7.2. Hàm lượng béo, g/100 g <i>Fat content</i>	QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.214) – 1986) (Có thủy phân)	-	34,9
7.3. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g <i>Carbohydrate content</i>	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	47,5
7.4. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7(p.221)- 1986) Kjeldahl method	-	14,4
7.5. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	QTTN/KT3 136 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.205)- 1986)	-	1,28
7.6. Hàm lượng muối ăn (NaCl), g/100 g <i>Sodium chloride content</i>	QTTN/KT3 190:2018	-	0,95
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg <i>Aflatoxin content</i> • B ₁ • B ₂ • G ₁ • G ₂	TCVN 7596 : 2007	0,25 0,10 0,25 0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i> Không phát hiện <i>Not detected</i> Không phát hiện <i>Not detected</i> Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

KT3-11032ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.11. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>
7.12. <i>E. Coli</i> , MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>
7.13. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>
7.14. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>
7.15. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>
7.16. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts & moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than 0</i>

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(*) : Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %:

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

KT3-11032ATP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



8. Dữ liệu về dinh dưỡng (theo yêu cầu của khách hàng)
Nutrition Facts (as client's requirement)
 US-FDA 21CFR Part 101

Nutrition Facts		
Serving size		100 g
Amount per serving		
Calories		560
		% Daily Value*
Total Fat	35 g	45 %
Total Carbohydrate	47 g	17 %
Protein	14 g	
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2000 calories a day is used for general nutrition advice.		

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qlatest3.com.vn và rq.m@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email address dh.cs@qlatest3.com.vn or rq.m@qlatest3.com.vn for further information about test report.